

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC SỐ CHO GIÁO VIÊN TRONG BỐI CẢNH CHUYỂN ĐỔI SỐ

Huỳnh Tấn Thạch

Trường Đại học Đồng Tháp

Email: htthach@dthu.edu.vn.

Tóm tắt: Bài báo nghiên cứu về bồi dưỡng năng lực số cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số tại các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam. Nghiên cứu khảo sát thực trạng năng lực số, các chương trình đào tạo, mức độ áp dụng công nghệ trong giảng dạy và những khó khăn gặp phải. Kết quả cho thấy nhiều giảng viên còn thiếu kỹ năng số thiết yếu, hạ tầng công nghệ chưa đồng bộ và thiếu các chương trình bồi dưỡng phù hợp. Bài báo đề xuất mô hình bồi dưỡng năng lực số toàn diện, bao gồm kỹ năng công nghệ thông tin cơ bản, ứng dụng phần mềm giảng dạy trực tuyến, quản lý dữ liệu học tập và kỹ năng đổi mới phương pháp giảng dạy.

Từ khóa: Năng lực số, bồi dưỡng giảng viên, chuyển đổi số, giáo dục đại học, công nghệ giáo dục.

Nhận bài: 30/11/2025; Biên tập: 31/11/2025; Phản biện: 05/12/2025; Duyệt đăng: 12/12/2025.

1. Đặt vấn đề

Trong bối cảnh ngành giáo dục đang đẩy mạnh chuyển đổi số (CĐS) theo các chủ trương của Chính phủ và Bộ Giáo dục và Đào tạo (GD&ĐT), các cơ sở giáo dục đại học cần chủ động đổi mới hoạt động quản lý, đào tạo và bồi dưỡng nhằm đáp ứng yêu cầu phát triển trong thời kỳ mới. Đối với Trường Đại học Đồng Tháp, CĐS được xác định là nhiệm vụ trọng tâm, xuyên suốt nhằm nâng cao chất lượng đào tạo, hiện đại hóa phương thức quản trị và tăng cường khả năng tiếp cận tri thức cho người học.

Giảng viên (GV) giữ vai trò trung tâm trong quá trình triển khai CĐS tại nhà trường. Năng lực số của GV không chỉ quyết định hiệu quả ứng dụng công nghệ trong giảng dạy, mà còn góp phần nâng cao chất lượng học liệu số, vận hành các hệ thống hỗ trợ học tập, triển khai mô hình lớp học tích hợp công nghệ và đáp ứng yêu cầu đổi mới phương pháp (PP) dạy học. Tuy nhiên, thực tế tại Trường Đại học Đồng Tháp (ĐHTT) cho thấy mức độ thành thạo công nghệ, khả năng ứng dụng công cụ số và mức độ sẵn sàng tham gia đổi mới của GV còn chưa đồng đều; một bộ phận GV còn gặp khó khăn khi khai thác các nền tảng quản lý học tập, thiết kế học liệu điện tử hoặc tổ chức hoạt động dạy học trực tuyến/điện tử theo chuẩn mới.

Bên cạnh đó, hạ tầng công nghệ thông tin (CNTT) của nhà trường đang từng bước hoàn thiện; nhiều hệ thống mới được đưa vào vận hành (như hệ thống quản trị học tập, nhận diện khuôn mặt Face ID, học liệu số...), đòi hỏi GV phải liên tục cập nhật năng lực số để sử dụng hiệu quả và đồng bộ. Điều này đặt ra yêu cầu cấp thiết về nghiên cứu, đánh giá và đề xuất giải pháp nhằm phát triển Năng lực số (NLS) cho đội ngũ GV, bảo đảm việc CĐS của Trường ĐHTT diễn ra hiệu quả, bền vững và phù hợp với chiến lược phát triển nhà trường giai đoạn 2025 - 2030.

Xuất phát từ thực tiễn đó, bài báo tập trung phân tích cơ sở lý luận về Năng lực số của GV, khảo

sát thực trạng mức độ đáp ứng NLS tại Trường ĐHTT, từ đó đề xuất các giải pháp thiết thực nhằm phát triển NLS cho GV trong bối cảnh CĐS của nhà trường.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Cơ sở lý luận và tổng quan nghiên cứu

2.1.1. Khái niệm năng lực số

Năng lực số (Digital Competence) là tập hợp kiến thức, kỹ năng và thái độ giúp cá nhân sử dụng công nghệ số một cách hiệu quả, an toàn và có trách nhiệm trong học tập, giảng dạy, nghiên cứu và hoạt động nghề nghiệp. Đối với GV, NLS không chỉ giới hạn ở khả năng sử dụng thiết bị, phần mềm mà còn liên quan đến:

Thiết kế và triển khai bài giảng số;

Sử dụng hệ thống học tập trực tuyến (LMS) và các nền tảng số hỗ trợ quản lý học tập;

Quản lý dữ liệu, khai thác học liệu số và ứng dụng công nghệ vào đổi mới PP dạy học;

Đảm bảo an toàn thông tin, bảo mật dữ liệu và đạo đức số trong môi trường giáo dục.

Các khung NLS phổ biến có thể tham khảo bao gồm: DigCompEdu (EU), ICT-CFT (UNESCO) và khung năng lực số của Bộ GD&ĐT. Những khung này xác định NLS của GV gồm nhiều thành phần tương đồng: thông tin - dữ liệu, giao tiếp - hợp tác, tạo lập nội dung, an toàn và giải quyết vấn đề trong môi trường số.

2.1.2. Chuyển đổi số trong giáo dục đại học

CĐS là quá trình ứng dụng công nghệ số nhằm đổi mới toàn diện hoạt động quản trị, đào tạo, nghiên cứu và phục vụ người học. Bộ GD&ĐT (2022) xác định các nhiệm vụ trọng tâm của CĐS trong GD đại học gồm:

Phát triển hạ tầng và nền tảng số; Xây dựng giáo trình, học liệu số; Mở rộng đào tạo trực tuyến; Phát triển đội ngũ GV đáp ứng NLS; Tăng cường phân tích dữ liệu cho quản trị đại học.

Trong bối cảnh Trường ĐHTT, CĐS được triển khai qua các hệ thống LMS, học liệu số, Face ID

và quản lý đào tạo điện tử. Hiệu quả của CDS phụ thuộc trực tiếp vào NLS của GV, là nhân tố trung tâm trong việc ứng dụng và khai thác các nền tảng số.

2.1.3. Mối liên hệ giữa năng lực số và chất lượng giảng dạy

Nghiên cứu cho thấy GV có năng lực số cao: Tạo ra bài giảng số sinh động, tích hợp đa phương tiện; Triển khai lớp học kết hợp trực tuyến - trực tiếp hiệu quả; Đánh giá học viên chính xác, nhanh chóng và minh bạch; Nâng cao khả năng nghiên cứu khoa học và hợp tác quốc tế. Ngược lại, năng lực số hạn chế dẫn đến: Việc ứng dụng LMS, học liệu số, công cụ trực tuyến chưa hiệu quả; Khó khăn trong đổi mới PP giảng dạy; Giới hạn khả năng khai thác dữ liệu phục vụ quản trị và nghiên cứu.

2.1.4. Phương pháp nghiên cứu

Thu thập, phân tích các văn bản quy phạm pháp luật, chiến lược CDS ngành Giáo dục, các công trình nghiên cứu trong và ngoài nước liên quan đến năng lực số của GV, khung năng lực số (DigCompEdu, UNESCO, ASEAN) và các văn bản chỉ đạo của Trường ĐHTD. PP này nhằm xác định cơ sở lý luận, khái niệm, cấu phần năng lực số và các mô hình phát triển năng lực GV.

2.1.5. Thực trạng bồi dưỡng năng lực số

2.1.5.1. Thực trạng mức độ thành thạo năng lực số của GV

Kết quả khảo sát 215 GV thuộc các khoa tại Trường ĐHTD cho thấy mức độ thành thạo KN số còn chưa đồng đều. Trong đó, GV khá thành thạo ở nhóm kỹ năng (KN) cơ bản (sử dụng thiết bị, công cụ văn phòng), nhưng hạn chế ở KN thiết kế học liệu số, sử dụng hệ thống LMS và triển khai các mô hình dạy học tích hợp công nghệ.

Bảng 1. Mức độ thành thạo năng lực số của GV (thang Likert 1 - 5)

Nhóm năng lực số	Mức độ TB	Đánh giá
Sử dụng thiết bị, phần mềm văn phòng	4.08	Tốt
Khai thác học liệu số	3.62	Khá
Sử dụng hệ thống LMS, quản lý lớp học trực tuyến	3.41	Trung bình
Thiết kế bài giảng số, video, E-learning	3.12	Trung bình
Ứng dụng dạy học tích hợp công nghệ (blended, flipped)	2.95	Hạn chế
Bảo mật dữ liệu và an toàn thông tin	3.28	Trung bình

Nhận xét: GV chủ yếu mạnh ở nhóm KN cơ bản; Các nhóm KN chuyên sâu cho hoạt động dạy học số còn yếu; KN thiết kế học liệu số và PP dạy học tích hợp công nghệ là hai nhóm hạn chế nhất.

2.1.5.2. Thực trạng mức độ sử dụng các nền tảng số tại Trường ĐHTD

Bảng 2. Tần suất sử dụng nền tảng số của GV

Nền tảng/ hệ thống	Thường xuyên	Thỉnh thoảng	Ít/Không sử dụng
Hệ thống LMS (quản lý học tập)	42%	38%	20%
Hệ thống quản lý đào tạo	76%	21%	3%
Hệ thống Face ID (điểm danh giảng dạy)	58%	27%	15%
Công cụ họp trực tuyến (Zoom/Teams)	51%	33%	16%
Học liệu số (thư viện điện tử, kho bài giảng)	44%	36%	20%

Nhận xét: LMS và học liệu số vẫn chưa được sử dụng thường xuyên bởi số đông GV. Hệ thống Face ID được sử dụng khá tốt nhưng vẫn còn một bộ phận GV chưa thực hiện đầy đủ. Độ lệch trong mức độ sử dụng nền tảng số cho thấy nhà trường cần hoàn thiện chính sách và tăng cường tập huấn.

2.1.5.3. Khó khăn của GV trong quá trình phát triển năng lực số

Bảng 3. Những khó khăn chính khi ứng dụng công nghệ vào giảng dạy

Khó khăn	Tỉ lệ (%)
Thiếu KN thiết kế học liệu số	62%
Chưa thành thạo LMS hoặc các hệ thống mới	49%
Thiếu thời gian tự học, tự bồi dưỡng	45%
Thiếu hỗ trợ kỹ thuật kịp thời	37%
Hạ tầng phòng học chưa đồng bộ	33%

Nhận xét: Khó khăn lớn nhất nằm ở KN chuyên môn liên quan đến sản xuất học liệu số. Hỗ trợ kỹ thuật và hạ tầng vẫn là thách thức tại một số khu vực giảng dạy.

2.1.6. Giải pháp phát triển năng lực số cho GV

2.1.6.1. Xây dựng chương trình bồi dưỡng năng lực số theo chuẩn quốc tế

Mục tiêu: Nâng cao NLS của GV để đáp ứng yêu cầu CDS trong GD đại học. Đảm bảo GV có khả năng sử dụng CNTT, phần mềm GD và các nền tảng trực tuyến theo chuẩn quốc tế. Xây dựng nền tảng cho việc thiết kế bài giảng số, quản lý học tập trực tuyến và đánh giá HS/SV hiệu quả.

Nội dung và hình thức thực hiện:

Xác định mục tiêu và chuẩn năng lực số: Nâng cao năng lực số cho GV, cán bộ GD, nhằm đáp ứng yêu cầu CDS trong GD và hội nhập quốc tế. Hiểu và vận dụng các công cụ số cơ bản và nâng cao trong giảng dạy, quản lý học tập. Sử dụng thành thạo các nền tảng học trực tuyến, hệ thống quản lý học tập (LMS), phần mềm đánh giá và phân tích dữ liệu GD. Áp dụng các tiêu chuẩn quốc tế về năng lực số như DigCompEdu (EU) hoặc các chuẩn tương đương của UNESCO. Phát triển tư duy đổi mới sáng tạo và KN giải quyết vấn đề trong môi trường số.

Cấu trúc chương trình bồi dưỡng: Khối kiến thức

cơ bản: Kiến thức về CNTT-TT. Kỹ năng sử dụng phần mềm văn phòng, công cụ trực tuyến, hệ thống LMS. Khối kỹ năng chuyên sâu: Thiết kế và triển khai bài giảng số. Ứng dụng công nghệ AI, phân tích dữ liệu trong giảng dạy và nghiên cứu. Quản lý lớp học trực tuyến, đánh giá HS theo chuẩn quốc tế. Khối kỹ năng bổ trợ: An toàn, bảo mật thông tin và đạo đức số. Tư duy phản biện và giải quyết vấn đề trong môi trường số.

Chuẩn đầu ra: GV có thể thiết kế, tổ chức và đánh giá các hoạt động học tập số theo chuẩn quốc tế. Năng lực tự học và cập nhật công nghệ mới, KN đổi mới sáng tạo trong giảng dạy được nâng cao. Đạt chứng chỉ quốc tế về năng lực số (nếu áp dụng chương trình liên kết quốc tế).

2.1.6.2. Đẩy mạnh bồi dưỡng thực hành và tăng cường hỗ trợ kỹ thuật

Mục tiêu: Nâng cao NLS thực tiễn cho GV, đặc biệt ở các KN thiết kế học liệu số, tổ chức lớp học trực tuyến và sử dụng các nền tảng quản lý học tập (LMS). Hỗ trợ GV áp dụng thành thạo công nghệ trong giảng dạy, giảm thiểu rào cản kỹ thuật và nâng cao hiệu quả CĐS.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Tổ chức bồi dưỡng thực hành: Khóa tập huấn theo hướng “learning by doing” (học thông qua thực hành). Phân nhóm GV theo năng lực số (cơ bản, trung bình, nâng cao) để tập huấn đúng nhu cầu. Kết hợp học trực tuyến và trực tiếp (blended training).

- Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật tại chỗ: Thành lập “Tổ hỗ trợ công nghệ” tại từng khoa/bộ môn. Cung cấp hướng dẫn sử dụng công cụ số, khắc phục sự cố kỹ thuật, tư vấn tối ưu hóa quy trình dạy học. Thiết lập kênh hỗ trợ trực tuyến (email, chat, video call).

- Hướng dẫn tự học và chia sẻ kinh nghiệm: Khuyến khích GV tham gia MOOC, webinar, tutorial về công nghệ GD. Tổ chức diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm, xây dựng “cộng đồng học tập số”. Xây dựng thư viện bài giảng mẫu, video hướng dẫn, học liệu số tham khảo.

Lợi ích: GV nâng cao NLS thực tiễn. Tăng khả năng triển khai lớp học trực tuyến và kết hợp công nghệ. Giảm áp lực kỹ thuật, thúc đẩy sự chủ động và sáng tạo.

2.1.6.3. Hoàn thiện hạ tầng CNTT và môi trường giảng dạy số

Mục tiêu: Đảm bảo mọi GV có điều kiện thuận lợi để triển khai giảng dạy số, nâng cao hiệu quả học tập và quản lý.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Nâng cấp phòng học thông minh: Trang bị máy chiếu, bảng tương tác, camera ghi hình, thiết bị âm thanh, máy tính và wifi mạnh. Hoàn thiện các phòng học tại các khu vực còn hạn chế (A2, A3, B1, B2, B3, B4, T1, T2).

- Đồng bộ các nền tảng số: Tích hợp LMS, hệ thống quản lý đào tạo, Face ID và kho học liệu số.

Chuẩn hóa quy trình cập nhật dữ liệu, học liệu và báo cáo.

- Bảo trì và nâng cấp định kỳ: Lập kế hoạch bảo trì hàng tháng, cập nhật phần mềm và thiết bị.

Lợi ích: GV dễ dàng triển khai lớp học số, giảm rào cản kỹ thuật. Hệ thống số đồng bộ, minh bạch, hỗ trợ quản lý và đánh giá hiệu quả giảng dạy.

2.1.6.4. Khuyến khích GV đổi mới PP dạy học trên nền tảng số

Mục tiêu: Tăng cường ứng dụng công nghệ vào đổi mới PP giảng dạy, nâng cao chất lượng học tập của SV.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Ứng dụng các mô hình dạy học hiện đại: Flipped classroom, blended learning, microlearning.

- Xây dựng kho bài giảng và học liệu số mẫu: Bài giảng điện tử, video hướng dẫn, slide mẫu, quiz online. Cập nhật thường xuyên, chia sẻ trong nội bộ GV.

- Diễn đàn chia sẻ kinh nghiệm: Tọa đàm, hội thảo nội bộ, nhóm trao đổi trực tuyến. Khuyến khích GV chia sẻ PP, công cụ, mẹo kỹ thuật.

- Lợi ích: GV nâng cao khả năng đổi mới, sáng tạo. SV học theo PP đa dạng, tăng tương tác và hiệu quả học tập.

2.1.6.5. Xây dựng cơ chế đánh giá, khuyến khích và tạo động lực cho GV

Mục tiêu: Tạo động lực cho GV chủ động nâng cao NLS, triển khai đổi mới giảng dạy và sử dụng công nghệ hiệu quả.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Đưa năng lực số vào tiêu chí đánh giá: Gắn với tiêu chí thi đua, xét danh hiệu GV xuất sắc, khen thưởng.

- Hỗ trợ kinh phí và công cụ: Cung cấp phần mềm, tài khoản LMS, thiết bị hỗ trợ thiết kế học liệu số. Hỗ trợ chi phí tham gia khóa học, hội thảo về công nghệ GD.

- Khen thưởng và công nhận thành tích: Giải thưởng nội bộ cho GV có bài giảng số sáng tạo. Công nhận cá nhân, khoa đạt chuẩn năng lực số xuất sắc.

Lợi ích: GV được động viên, chủ động nâng cao năng lực số. Tạo môi trường thi đua lành mạnh, thúc đẩy văn hóa đổi mới công nghệ.

2.1.6.6. Tăng cường văn hóa số và thúc đẩy tự học, tự bồi dưỡng của GV

Mục tiêu: Hình thành thói quen ứng dụng công nghệ, tự học và tự nâng cao năng lực số trong GV.

Nội dung và hình thức thực hiện:

- Khuyến khích sử dụng thường xuyên các nền tảng số: LMS, hệ thống quản lý đào tạo, Face ID, học liệu số.

- Hướng dẫn khai thác học liệu mở và nguồn học tập quốc tế: MOOC, webinar, video hướng dẫn, tài nguyên mở. Khuyến khích GV tự thiết kế học liệu điện tử.

- Đào tạo về văn hóa số, an toàn thông tin và đạo

đức số: Bảo mật dữ liệu, quyền riêng tư, ứng xử số trong môi trường học tập trực tuyến.

Lợi ích: GV chủ động nâng cao NLS, tự tin ứng dụng công nghệ. Hình thành văn hóa số tích cực, nâng cao chất lượng giảng dạy và nghiên cứu.

3. Kết luận và khuyến nghị

3.1. Kết luận

CĐS trong GD đại học là xu thế tất yếu và là yêu cầu cấp thiết đối với các cơ sở đào tạo, trong đó GV giữ vai trò trung tâm quyết định hiệu quả đổi mới dạy học. Kết quả khảo sát tại Trường ĐHĐT cho thấy năng lực số của GV đã đạt mức khá ở các KN cơ bản, nhưng còn hạn chế ở các KN chuyên sâu như thiết kế học liệu số, sử dụng hệ thống quản lý học tập (LMS) và triển khai các mô hình dạy học tích hợp công nghệ.

Mức độ ứng dụng các nền tảng số trong giảng dạy chưa đồng đều, một bộ phận GV còn gặp khó khăn trong việc sử dụng các hệ thống mới và thiếu hỗ trợ kỹ thuật kịp thời. Những hạn chế này cho thấy nhu cầu cấp thiết trong việc xây dựng chương trình bồi dưỡng bài bản, hoàn thiện hạ tầng số và tạo cơ chế khuyến khích, hỗ trợ GV chủ động nâng cao NLS. Do đó, phát triển năng lực số cho GV cần được xem là nhiệm vụ chiến lược, bền vững và đồng bộ, góp phần nâng cao chất lượng đào tạo, đáp ứng mục tiêu CĐS của Trường ĐHĐT giai đoạn 2025 - 2030.

3.2. Khuyến nghị

3.2.1. Đối với Trường ĐHĐT

Ban hành khung NLS của GV phù hợp với chuẩn quốc tế và đặc thù đơn vị, làm cơ sở cho đào tạo, bồi dưỡng và đánh giá.

Xây dựng kế hoạch bồi dưỡng NLS theo mô-đun, tập trung vào KN thiết kế học liệu số, sử dụng LMS và tổ chức lớp học tích hợp công nghệ.

Nâng cấp hạ tầng công nghệ: tăng cường wifi, thiết bị phòng học thông minh, hoàn thiện tích hợp hệ thống đào tạo - LMS - Face ID.

Tăng cường hỗ trợ kỹ thuật thông qua tổ công

nghệ tại các khoa; cung cấp công cụ, phần mềm cho GV thiết kế bài giảng số.

Lồng ghép NLS vào tiêu chí đánh giá, thi đua, khuyến khích GV tham gia đổi mới sáng tạo trong giảng dạy.

3.2.2. Đối với GV

Chủ động tự học và cập nhật công nghệ mới, khai thác hiệu quả các khóa học trực tuyến mở (MOOC), học liệu số và công cụ AI hỗ trợ giảng dạy.

Tăng cường ứng dụng các mô hình dạy học hiện đại như blended learning, flipped classroom, microlearning.

Chủ động tham gia các chương trình bồi dưỡng của nhà trường, chia sẻ kinh nghiệm, hình thành cộng đồng học tập số trong khoa/bộ môn.

Nâng cao nhận thức về văn hóa số và an toàn thông tin, đảm bảo sử dụng hệ thống số đúng quy định và hiệu quả.

3.2.3. Đối với các đơn vị quản lý cấp trên

Hoàn thiện chính sách thúc đẩy CĐS trong GD đại học, đặc biệt trong công tác bồi dưỡng NLS cho GV.

Đầu tư nguồn lực tài chính và cơ chế hỗ trợ giúp các trường đại học triển khai đồng bộ hạ tầng và đào tạo số.

Xây dựng hệ thống kiểm định NLS nhằm đảm bảo chuẩn năng lực của đội ngũ GV toàn ngành ■

Tài liệu tham khảo

- [1]. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2022). *Chương trình chuyển đổi số ngành Giáo dục giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến 2030*. Hà Nội.
- [2]. Chính phủ. (2020). *Chương trình chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030* (Quyết định số 749/QĐ-TTg). Hà Nội.
- [3]. Nguyễn, T. H., & Lê, Q. P. (2021). *Ứng dụng công nghệ số trong dạy học đại học: Thực trạng và giải pháp*. TC Khoa học Giáo dục VN, 20 (3), 45 - 53. Hà Nội
- [4]. Trần, M. T. (2020). *Phát triển năng lực ứng dụng CNTT cho giảng viên trong bối cảnh chuyển đổi số*. TC Giáo dục, 489, 12 - 16. Hà Nội

Developing Digital Competencies for Lecturers in the Context of Digital Transformation

Huynh Tan Thach

Dong Thap University

Email: htthach@dthu.edu.vn.

Abstract: This article studies the development of digital competencies for the lecturers in the context of digital transformation at Vietnamese higher education institutions. The study surveys the current state of digital skills, training programs, the level of technology application in teaching, and the difficulties encountered. The results show that many lecturers lack essential digital skills, the technology infrastructure is not yet synchronized, and there is a lack of appropriate training programs. The paper proposes a comprehensive model for digital competence development, including basic IT skills, online teaching software, learning data management, and innovative teaching methods.

Keywords: Digital competence, lecturer improvement, digital transformation, higher education, educational technology.